

Bản án số: 92/2024/DS-ST

Ngày: 05/9/2024.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ , THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

\*\*\*

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hoàng Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tý

2. Bà Lê Thị Nhớ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Nguyễn Viết Cường, Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Dương Hoàng Tú - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2024/TLST-DS, ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 173/2024/QĐST-DS ngày 19/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Địa chỉ: số B N, phường H, quận C, thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Viên D1, chức vụ: Trưởng Phòng G thuộc Chi nhánh D (Theo Quyết định số 3994/2022/QĐ-NS ngày 30 tháng 6 năm 2022). Bà Nguyễn Thị Viên D1 ủy quyền lại cho ông Đinh Văn Q, chức vụ: Chuyên viên khách hàng doanh nghiệp (Theo Giấy ủy quyền số 04/2024/UQ-CNDN ngày 05 tháng 8 năm 2024).

- Bị đơn: Ông Phan Huỳnh Gia N, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số A đường L, tổ B, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2024 và các bản tự khai ngày 13/8/2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Đinh Văn Q trình bày:

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, ông Phan Huỳnh Gia N có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S một Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề

ngiht cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng có hiệu lực từ 04/01/2018). Căn cứ vào thu thập của ông **Phan Huỳnh Gia N**, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng VS PayWave Cre Platinum Cashback 472074-3430 với hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) với mục đích để ông **N** tiêu dùng cá nhân, lãi suất 28.8%/năm, tương ứng với lãi suất trong hạn là 2,4%/tháng, lãi suất quá hạn là **3.6%/tháng** (2.4% x150%). Lãi suất tháng được điều chỉnh theo biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng **S1** tháng 10 năm 2023 là 2.6%/tháng, lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng (2.6% x150%) (Theo khoản 27 Điều 1 của bản Điều khoản và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của **Ngân hàng Thương mại Cổ Phần S**).

Sau khi được cấp thẻ tín dụng nêu trên, từ ngày 05/8/2022 đến ngày 05/5/2023, ông **Phan Huỳnh Gia N** đã thực hiện 08 (tám) giao dịch với tổng số tiền là 303.564.000 đồng (*Ba trăm lẻ ba triệu, năm trăm sáu mươi bốn ngàn đồng*). Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông **Phan Huỳnh Gia N** đã thanh toán cho ngân hàng với tổng số tiền là 259.064.437 đồng (*Hai trăm năm mươi chín triệu, không trăm sáu mươi bốn ngàn, bốn trăm ba mươi bảy đồng*) (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 22 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Kể từ ngày 05/6/2023, ông **Phan Huỳnh Gia N** không tiếp tục thanh toán cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** khoản tiền nào khác. Vậy, ông **Phan Huỳnh Gia N** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (*Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*). Ngày 05 tháng 10 năm 2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của ông **Phan Huỳnh Gia N** và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (*dư nợ gốc*) sang nợ quá hạn (*Theo Điều 26 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*). Tạm tính đến ngày 05/9/2024, ông **Phan Huỳnh Gia N** còn nợ **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** tổng số tiền là 85.320.687 đồng (*T mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi ngàn, sáu trăm tám mươi bảy đồng*), trong đó: nợ gốc là 49.968.818 đồng, lãi trong hạn: là 9.724.114 đồng, lãi quá hạn là 25.627.755 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông **Phan Huỳnh Gia N** có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên, tuy nhiên ông **Phan Huỳnh Gia N** vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**, Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xem xét, giải quyết buộc ông **Phan Huỳnh Gia N** phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 05/9/2024 là 86.731.767 đồng (*T mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi một ngàn, bảy trăm sáu mươi bảy đồng*), trong đó: nợ gốc là 49.968.818 đồng, lãi trong hạn: là 9.724.114 đồng, lãi quá hạn là 27.038.835 đồng. Ông **Phan Huỳnh Gia N** phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/9/2024 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ tín dụng theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

Đối với ông **Phan Huỳnh Gia N**, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

*khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N đều vắng mặt tại các phiên hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên Tòa. Vì vậy, ông Phan Huỳnh Gia N không có lời trình bày.*

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau: Nguyên đơn giao nộp: Giấy ủy quyền số 04/2024/UQ-CNĐN ngày 25/4/2024; Căn cước công dân Nguyễn Văn T1 (bản sao); Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/7/2022 (bản sao); Tóm tắt sao kê nợ của ông Phan Huỳnh Gia N; Quyết định về việc ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 (bản sao); Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của S1 + Quyết định số 4275/2019/QĐ-TTT ngày 26/12/2019 (bản photo); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần S (bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh Ngân hàng TMCP S (bản sao); Quyết định về việc tái bổ nhiệm nhân sự số 3994/2022/QĐ-NS ngày 30/6/2022 (bản sao); Thông báo khởi kiện ngày 25/4/2024 + Phiếu yêu cầu + Liên chuyên phát 5 0663595; Căn cước công dân, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu Phan Huỳnh Gia N (bản ảnh); 01 (một) bản trình bày ý kiến ngày 13/8/2024 + kèm theo bảng kê tính lãi tạm tính đến ngày 13/8/2024; bảng kê tính lãi tạm tính đến ngày 05/9/2024. Bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì. Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: 01 Biên bản xác minh tại địa phương ngày 01/8/2024. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật; bị đơn là ông Phan Huỳnh Gia N đã không trình bày ý kiến của mình và vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

Đối với nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 280, Điều 351 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với ông Phan Huỳnh Gia N, buộc ông Phan Huỳnh Gia N phải trả toàn bộ khoản nợ tới hạn tính đến ngày 05/9/2024 là: 86.731.767 đồng (T mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi một ngàn, bảy trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó: nợ gốc là 49.968.818 đồng, lãi trong hạn: là 9.724.114 đồng, lãi quá hạn là 27.038.835 đồng. Ông Phan Huỳnh Gia N phải tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 06/9/2024 cho đến khi trả hết dư nợ Thẻ tín dụng theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 07/7/2022 đã ký. Ông Phan Huỳnh Gia

**N** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện, **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** khởi kiện yêu cầu ông **Phan Huỳnh Gia N** trả tiền vay là quan hệ tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Bị đơn là ông **Phan Huỳnh Gia N** có hộ khẩu thường trú và địa chỉ cư trú cuối cùng tại địa chỉ **số A đường L, tổ B, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng**, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** ký kết với ông **Phan Huỳnh Gia N** một Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng vào ngày 12/7/2022 với mục đích cho ông **N** vay tiêu dùng cá nhân. Nay, **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** khởi kiện yêu cầu ông **N** trả nợ vay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 357, 463, Điều 465 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*) để giải quyết vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án cho đại diện theo ủy quyền của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** là ông **Đình Văn Q** và bị đơn ông **Phan Huỳnh Gia N**. Tại phiên tòa, ông **Q** có mặt, ông **N** vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Theo quy định tại Điều 222, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông **Phan Huỳnh Gia N**.

[4] Về nội dung vụ án:

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, ông **Phan Huỳnh Gia N** và **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng. Nội dung của Hợp đồng ghi nhận **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** đã cấp hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) cho ông **Phan Huỳnh Gia N** với mục đích tiêu dùng cá nhân; Loại thẻ: **V** 472074-3430, Lãi suất vay: 28.8%/năm, tương ứng với lãi suất trong hạn là 2,4%/tháng, lãi suất quá hạn là 3.6%/tháng (2.4% x150%). Lãi suất tháng được điều chỉnh theo biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng **S1** tháng 10 năm 2023 là 2.6%/tháng, lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng (2.6% x150%) (Theo khoản 27 Điều 1 của bản Điều khoản và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của **Ngân hàng Thương mại Cổ Phần S**).

Sau khi được cấp tín dụng, từ ngày 05/8/2022 đến ngày 05/5/2023, ông **Phan Huỳnh Gia N** đã thực hiện 08 (tám) giao dịch với tổng số tiền là 303.564.000 đồng (*ba trăm lẻ ba triệu, năm trăm sáu mươi tư ngàn đồng*). Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông **N** đã trả cho **Ngân hàng Thương mại**

**Cổ phần S** tổng số tiền 259.064.437 đồng (*Hai trăm năm mươi chín triệu, không trăm sáu mươi bốn ngàn, bốn trăm ba mươi bảy đồng*). Kể từ ngày 05/6/2023, ông **N** vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông **N** và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Theo khoản 1 Điều 26 của bản Điều khoản và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** có hiệu lực từ 04/01/2018).

Tại phiên Tòa, **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** yêu cầu Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xem xét, giải quyết buộc ông **Phan Huỳnh Gia N** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** tổng số tiền nợ gốc và lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tạm tính đến ngày 05/9/2024 là: 86.731.767 đồng (*T mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi một ngàn, bảy trăm sáu mươi bảy đồng*), trong đó: nợ gốc là 49.968.818 đồng, lãi trong hạn: là 9.724.114 đồng, lãi quá hạn là 27.038.835 đồng. Ông **Phan Huỳnh Gia N** phải tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 06/9/2024 cho đến khi trả hết dư nợ Thẻ tín dụng theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông **Phan Huỳnh Gia N** biết yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** và các thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông **N** vẫn cố tình vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tại biên bản xác minh ngày 01/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã thể hiện ông **N** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **số A đường L, tổ B, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng**.

Xét yêu cầu khởi kiện của **Thương mại Cổ phần S (Ngân hàng Thương mại Cổ phần S)** thì thấy:

[4.1] *Về tiền nợ gốc*: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được ký giữa **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** với ông **Phan Huỳnh Gia N** ngày 12/7/2022 và Tóm tắt sao kê ngày 05/9/2024 đã thể hiện ông **N** đã thực hiện 08 (*tám*) giao dịch với tổng số tiền là 303.564.000 đồng (*Ba trăm lẻ ba triệu, năm trăm sáu mươi tư ngàn đồng*) là có thật. Ông **N** đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** là 259.064.437 đồng (*Hai trăm năm mươi chín triệu, không trăm sáu mươi bốn ngàn, bốn trăm ba mươi bảy đồng*). Kể từ ngày 06/5/2023 cho đến nay, ông **N** không thanh toán thêm khoản tiền nào khác. Vậy, ông **N** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (theo Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 05/8/2023, **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của ông **N** và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ gốc) sang nợ quá hạn (Điều 26 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Vậy, số tiền nợ gốc mà ông **N** có nghĩa vụ phải trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** theo hạn mức tín dụng là 49.968.818 đồng (*Bốn mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi tám ngàn, tám trăm mười tám đồng*) (Theo tóm tắt sao kê ngày 05/9/2024 của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**).

Ông **N** vi phạm nghĩa vụ trả nợ của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được ký giữa **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** với ông **Phan Huỳnh Gia N** ngày 12 tháng 7 năm 2022. Căn cứ thoả thuận tại Điều 26 và Điều 38 Bản

Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 04/01/2018, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** về việc buộc ông **N** trả số tiền nợ gốc theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng là **49.968.818 đồng** (*Bốn mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi tám ngàn, tám trăm mười tám đồng*) là có cơ sở chấp nhận, phù hợp quy định tại các Điều 280, 351 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.2] *Về tiền nợ lãi*: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/7/2022 và các Điều 1.27, 22, 23, 24 và 25 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 04/01/2018 thì các bên đương sự có thỏa thuận lãi suất vay 28.8%/năm, trong đó: lãi suất trong hạn là 2.4%/tháng, lãi suất quá hạn là 3.6%/tháng (2.4% x 150%) (*Theo khoản 1.27 Điều 1 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của **Ngân hàng Thương mại Cổ Phần S***). Kể từ tháng 10/2023, lãi suất trong hạn biến động 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn 3.9%/tháng (2.6% x 150%) do **Ngân hàng Thương mại Cổ Phần S** quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của **Ngân hàng NI** về lãi suất cho vay theo biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng **S1**.

Tại Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: “1. *Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất.* 2. *Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005 để xác định lãi, lãi suất*”.

Tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Ông **N** đã được Ngân hàng thông báo về lãi suất cho vay, không có ý kiến gì, đã thực hiện trả gốc, trả lãi đối với Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng và phụ lục bản Điều khoản kèm theo. Xét thấy sự thỏa thuận mức lãi suất của các đương sự không phụ thuộc vào Bộ luật Dân sự mà được điều chỉnh theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*), các bên đương sự thỏa thuận lãi suất là tự nguyện nên căn cứ các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; căn cứ vào Tóm tắt sao kê ngày 05/9/2024, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** về việc buộc ông **Phan Huỳnh Gia N** phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/7/2022 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực ngày

04/01/2018; tiền lãi tạm tính đến ngày 05/9/2024 được chấp nhận là **36.762.949 đồng** (Ba mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi hai ngàn, chín trăm bốn mươi chín đồng), trong đó: lãi trong hạn: là 9.724.114 đồng, lãi quá hạn là 27.038.835 đồng.

Ông **Phan Huỳnh Gia N** phải tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 06/9/2024 cho đến khi trả hết dư nợ Thẻ tín dụng theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

[5] Án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông **Phan Huỳnh Gia N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; hoàn trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[6] Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 351, Điều 463, Điều 465 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*);

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** đối với bị đơn, ông **Phan Huỳnh Gia N**.

Buộc ông **Phan Huỳnh Gia N** phải thanh toán cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 05/9/2024 là: **86.731.767 đồng** (*T* mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi một ngàn, bảy trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó: nợ gốc là 49.968.818 đồng, lãi trong hạn: là 9.724.114 đồng, lãi quá hạn là 27.038.835 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/7/2022.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/9/2024), ông **Phan Huỳnh Gia N** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông **N** phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

2. Án phí Dân sự sơ thẩm số tiền là 4.336.588 đồng (*Bốn triệu, ba trăm ba mươi sáu ngàn, năm trăm tám mươi tám đồng*).

Ông Phan Huỳnh Gia N phải chịu 4.336.588 đồng (Bốn triệu, ba trăm ba mươi sáu ngàn, năm trăm tám mươi tám đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.921.982 đồng (Một triệu, chín trăm hai mươi một ngàn, chín trăm tám mươi hai đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001268 ngày 31/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê.

3. Quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/9/2024). Ông Phan Huỳnh Gia N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND quận Thanh Khê ;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê ;
- Thành phần tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn.

**Trần Hoàng Dũng**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



